

Số: 271.../GPMT-UBND

Nhơn Trạch, ngày 27 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 5 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4038/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về tổ chức triển khai Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án số 279/DIC Group - TGD ngày 19 tháng 10 năm 2023; Văn bản số 350/DICGroup-BQLĐN ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp giấy phép môi trường của “Khu dân cư Hiệp Phước - giai đoạn 1” tại thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 872/TTr-TNMT ngày 26 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (sau đây gọi là Chủ cơ sở) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự

án “Khu dân cư Hiệp Phước - giai đoạn 1”, địa chỉ tại Khu phố Phước Lai, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu phố Phước Lai, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 3500101107 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, lần đầu ngày 13 tháng 3 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ: 25, ngày 08 tháng 12 năm 2023. Địa chỉ trụ sở chính: số 15 Thi Sách, Phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu.

1.4. Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số : 471210000159 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp, chứng nhận lần đầu: ngày 01 tháng 9 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 1: ngày 03 tháng 4 năm 2009.

1.5. Mã số thuế: 3500101107.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng kinh doanh bất động sản.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất đã triển khai dự án của cơ sở 193.761,5 m² - giai đoạn 1 theo Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Đồng Nai trên tổng diện tích dự án 215.529,7 m²

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô cơ sở: 200 căn, dân số khoảng 800 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng:

1. Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 11/XN.UBND ngày 15 tháng 11 năm 2010 của UBND huyện Nhơn Trạch cấp cho Dự án “Khu dân cư Hiệp Phước”, với tổng diện tích 215.529,7 m² đối với Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 5. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Chánh, PCVP. HĐND và UBND huyện;
- Phòng TN và MT huyện (02 bản chính);
- Phòng VH và TT huyện (công khai trên trang thông tin điện tử huyện);
- UBND thị trấn Hiệp Phước;
- Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Thành

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **271** /GPMT-UBND
ngày **27** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của 200 căn hộ - khoảng 800 người sinh sống tại Khu dân cư Hiệp Phước – giai đoạn 1.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1 Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Bà Ký, chảy ra nguồn tiếp nhận sông Thị Vải.

2.2 Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Cửa xả nước thải từ cơ sở ra kênh Bà Ký tại khu phố Phước Lai, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;

- Tọa độ vị trí xả thải: X (m): 1.187.276, Y (m): 413.113 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.3 Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $350 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý được bơm cưỡng bức ra kênh Bà Ký (nước sau hệ thống xử lý tại bể khử trùng đến vị trí xả thải ra kênh Bà Ký - cách kênh Bà Ký khoảng 10m).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải sau khi xử lý được xả thải vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/ BTNMT, cột A, K = 1,0, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT, cột A, K = 1,0	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	03 tháng/lần
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	

5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	1
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	3.000

* Công ty đề xuất tự thực hiện quan trắc nước thải 3 tháng/lần để kịp thời giám sát, kiểm soát chất lượng nước thải.

- Công ty không được xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ các khu vực nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn (200 bể tự hoại); nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại + nước thải sinh hoạt từ các hoạt động khác (tắm, giặt, nấu ăn,...) được thu gom về các hố ga thu gom nước thải của cơ sở (226 hố ga, hố ga được xây dựng dọc vỉa hè, phía trước từng nhóm căn hộ). Nước thải từ các hố ga thu gom nước thải được thu gom theo các đường ống bê tông cốt thép tự chảy theo địa hình độ dốc tự nhiên, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở công suất thiết kế $350m^3/ngày$ để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → bể gom → bể điều hòa → bể Anoxic → bể hiếu khí (Aerotank) → bể lắng → bể khử trùng → kênh Bà Ký (nước sau hệ thống xử lý tại bể khử trùng đến vị trí xả thải ra kênh Bà Ký khoảng 10m).

- Công suất thiết kế: $350m^3/ngày$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Natri hypochlorite ($NaOCl$): $5g/m^3$ nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.
- Vận hành và bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; kịp thời thay thế các thiết bị hư hỏng đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả.
- Lập sổ theo dõi lưu lượng, tính chất nước thải và sự ổn định của hệ thống; không để vượt công suất xử lý.
- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến ống dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục khi sự cố xảy ra; thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Theo khoản 4, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại Điều này sau khi được cấp giấy phép môi trường, trừ trường hợp đã có giấy phép môi trường thành phần.

Do đó, Cơ sở đã có Giấy phép môi trường thành phần và được miễn vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1 Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2 Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn yêu cầu trước xả thải ra môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm.

3.3 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật; theo dõi, vận hành, duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ, đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

- Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể thu gom nước thải, bể chứa nước thải đầu vào, bể chứa nước thải sau xử lý nhằm kịp thời phát hiện hư hỏng và thay thế, khắc phục kịp thời, tránh để nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

- Có sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải; sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh.

- Thu gom xử lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và bể tự hoại, định kỳ bảo dưỡng, duy tu các hệ thống cống thoát nước, hồ thu theo đúng kỹ thuật yêu cầu.





PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **271** /GPMT-UBND
ngày **27** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nhon Trach)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.
2. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 271 /GPMT-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Tiếng ồn

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: từ hoạt động của máy móc, thiết bị trạm xử lý nước thải.

1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Nhà điều hành trạm xử lý nước thải. Tọa độ X (m): 1.187.272; Y (m): 413.085 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

1.3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

2. Độ rung

2.1. Nguồn phát sinh độ rung:

- Nguồn số 01: từ hoạt động của máy móc, thiết bị trạm xử lý nước thải.

2.2. Vị trí phát sinh độ rung:

- Nguồn số 01: Nhà điều hành trạm xử lý nước thải. Tọa độ X (m): 1.187.272; Y (m): 413.085 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.3. Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
----	--------------------------	--------------------------	----------------------------	---------

1	70	60	-	Khu vực thông thường
---	----	----	---	----------------------------

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy móc, thiết bị được lắp đặt đúng quy cách, lắp đặt lò xo đàn hồi trên bộ máy kiên cố. Thường xuyên kiểm tra độ mòn thiết bị, thay thế các thiết bị, chi tiết hỏng, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ.

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt,..) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định, hạn chế phát sinh tiếng ồn và thay thế các chi tiết cần thiết.

- Bố trí vành đai cây xanh bao quanh khuôn viên trạm xử lý góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1 Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2 Các nguồn ồn, độ rung phải được quan trắc định kỳ nhằm đánh giá, đưa ra giải pháp khắc phục phù hợp.



PHỤ LỤC 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 271/GPMT-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Khối lượng phát sinh: 1.750 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	300	16 01 06	NH
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	800	18 02 01	KS
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	200	16 01 12	NH
4	Bao bì mềm thải	Rắn	300	18 01 01	KS
5	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	150	08 02 04	KS
	Tổng số lượng	-	1.750	-	

1.2 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Khối lượng phát sinh: 130 kg/ngày.

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/ngày)	Ký hiệu phân loại
1	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	14 03 04	50	TT

2	Bùn thải từ bể tự hoại	Bùn	12 05 07	80	TT
TỔNG KHỐI LƯỢNG				130	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng phát sinh: 1.626,3 kg/ngày.

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải hữu cơ dễ phân hủy	1.301,04
2	Chất thải còn lại	325,26
TỔNG KHỐI LƯỢNG		1.626,3

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy nhựa dung tích chứa 60 lít có nắp đậy.

2.1.2 Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 12 m².

- Bố trí trong khu vực nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải. Kết cấu nhà chứa có mái che, tường bao xung quanh, nền bê tông và bố trí thiết bị chuyên dụng để lưu chứa, phân loại chất thải nguy hại có thực hiện dán nhãn, mã chất thải, dấu hiệu cảnh báo nguy hại để lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.

2.2 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bể chứa bùn có thể tích thiết kế khoảng 64 m³.

- Khu vực lưu chứa: Trong khu vực HTXLNT.

2.3 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Mỗi hộ gia đình tự trang bị ba thùng để phân loại chất thải rắn tại nguồn: 01 thùng chứa chất thải rắn hữu cơ dễ phân hủy (màu xanh lá), 01 thùng chứa chất thải rắn còn lại (màu xám) và 01 thùng chứa chất thải nguy hại (màu vàng).

2.3.2. Khu vực lưu chứa đối với các hộ gia đình: Chất thải rắn sẽ được các hộ gia đình thu gom và chuyển về thùng chứa rác do cơ sở bố trí dọc các tuyến đường nội bộ, các thùng này được đơn vị thu gom theo lịch trình nhất định.

2.3.3. Khu vực lưu chứa đối với nhà điều hành: Chất thải rắn sẽ được thu gom lưu giữ tại thùng chứa rác bố trí tại khu vực nhà điều hành và được đơn vị thu gom theo lịch trình nhất định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải, thực hiện thu gom, lưu giữ, phân loại, chuyển giao xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải dạng lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu giữ riêng trong khu hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời chuẩn bị các trang thiết bị, dụng cụ ứng phó hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng phó. Những người làm việc phải được tập huấn, đào tạo trong việc ứng phó. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó theo quy định.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp. Đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **271**/GPMT-UBND

ngày **27** tháng **12** năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Công ty đã thực hiện xây dựng hoàn thành một phần các hạng mục trong giai đoạn 1 với diện tích 193.761,5 m² trên tổng diện tích dự án 215.529,7 m². Đối với phần diện tích còn lại khi triển khai thực hiện phải đảm bảo các quy định về đầu tư, đất đai, xây dựng, phòng cháy và chữa cháy, môi trường và các quy định khác có liên quan.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của cơ sở. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình thanh tra, kiểm tra. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố theo quy định của pháp luật.

3. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định. Công khai, minh bạch vị trí đầu nổi nước mưa, nước thải của cơ sở.

4. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi



trường; thực hiện pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định.

6. Trong quá trình hoạt động, nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định.

7. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

